

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
& TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14./2026/CBTT-VNTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) riêng Quý 1 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

- Mã chứng khoán: TTN
- Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.2220399 Fax:
- Email: cbtt@vntt.com.vn Website: vntt.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 1 năm 2026
☐ BCTC (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC riêng (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 24./04/2026 tại đường dẫn: <https://vnvt.com.vn/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý 1 năm 2026.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc


PHẠM TUẤN ANH



TOTRINHGTGD2604230270

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 1 NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026

				Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		467.376.984.301	467.246.625.295
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.894.836.959	63.929.979.011
1.	Tiền	111		8.894.836.959	33.929.979.011
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	30.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		99.000.000.000	185.000.000.000
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	99.000.000.000	185.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.628.006.044	82.556.684.499
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	67.311.669.142	60.510.395.250
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	48.843.980.926	7.106.760.272
5.	Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	18.622.253.304	20.089.426.305
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(5.149.897.328)	(5.149.897.328)
IV.	Hàng tồn kho	140		216.893.786.326	130.631.597.711
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	216.893.786.326	130.631.597.711
VI.	Tài sản ngắn hạn khác	160		7.960.354.972	5.128.364.074
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	3.607.502.592	3.754.971.508
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		2.776.940.546	742.692.789
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.15	1.575.911.834	630.699.777
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.015.029.077	166.378.132.503
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.100.248.493	1.067.248.493
5.	Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	1.100.248.493	1.067.248.493
II.	Tài sản cố định	220		112.587.722.187	100.590.453.213
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	107.406.528.640	95.195.210.890
-	Nguyên giá	222		388.053.912.956	369.098.096.473
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(280.647.384.316)	(273.902.885.583)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.181.193.547	5.395.242.323
-	Nguyên giá	228		14.834.118.508	14.834.118.508
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.652.924.961)	(9.438.876.185)
V.	Tài sản dở dang dài hạn	250		26.627.798.610	39.960.229.550
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	26.627.798.610	39.960.229.550
VI.	Đầu tư tài chính dài hạn	260		12.717.757.204	12.862.789.571
1.	Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	25.000.000.000	25.000.000.000
4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(12.282.242.796)	(12.137.210.429)
VII.	Tài sản dài hạn khác	270		11.981.502.583	11.897.411.676
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	11.981.502.583	11.897.411.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280		632.392.013.378	633.624.757.79



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		106.749.629.548	124.745.139.757
I. Nợ ngắn hạn	310		94.948.335.105	113.569.033.914
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	38.590.237.614	48.744.744.797
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.213.207.725	2.826.309.641
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	8.880.864.300	9.093.609.300
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	4.192.301.153	6.200.056.664
5. Phải trả người lao động	315	V.16	7.617.928.397	16.671.839.007
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	8.371.845.657	8.113.713.746
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.18	16.341.391.708	11.879.510.884
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19a,c	4.206.386.492	5.880.720.198
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.20a	1.525.011.231	1.541.011.974
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	9.160.828	2.617.517.703
II. Nợ dài hạn	330		11.801.294.443	11.176.105.843
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.18	850.888.251	585.387.640
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.19b,c	9.791.739.478	9.432.051.489
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.20b	1.158.666.714	1.158.666.714
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		525.642.383.830	508.879.618.041
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	367.275.000.000
2. Thặng dư vốn	412	V.22	(382.600.000)	(382.600.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	61.481.795.646	61.481.795.646
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.22	439.285.060	439.285.060
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	96.828.903.124	80.066.137.335
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ tr	420a		80.066.137.335	80.066.137.335
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		16.762.765.789	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		632.392.013.378	633.624.757.798

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Vi Ngọc Đại
Người lậpNguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

CHỈ TIÊU					Đơn vị tính: VND	
Mã số	Thuyết minh	Quý 1	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Năm trước	
			Năm nay	Năm trước		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	90.719.476.351	74.098.176.045	74.098.176.045
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.719.476.351	74.098.176.045	74.098.176.045
4.	Giá vốn hàng bán	11	VL.2	60.346.840.711	45.086.088.227	45.086.088.227
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.372.635.640	29.012.087.818	29.012.087.818
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VL.3	2.053.665.355	1.861.381.107	1.861.381.107
8.	Chi phí tài chính	23	VL.4	145.032.367	27.756.655	27.756.655
	Trong đó: chi phí lãi vay	24		-	-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VL.5	4.443.246.805	3.842.202.238	3.842.202.238
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.6	6.920.940.628	6.124.705.029	6.124.705.029
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.917.081.195	20.878.805.003	20.878.805.003
12.	Thu nhập khác	31	VL.7	37.223.627	245.345.163	245.345.163
13.	Chi phí khác	32	VL.8	847.586	18.206.985	18.206.985
14.	Lợi nhuận khác	40		36.376.041	227.138.178	227.138.178
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.953.457.236	21.105.943.181	21.105.943.181
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4.190.691.447	4.226.918.497	4.226.918.497
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.762.765.789	16.879.024.684	16.879.024.684

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.953.457.236	21.105.943.181
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	6.958.547.509	8.121.132.758
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, V.6, V.20	129.031.624	(49.695.595)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3		(41.636.211)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(2.042.665.013)	(1.811.115.065)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.998.371.356	27.324.629.068
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.808.839.733)	10.049.642.676
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(86.262.188.615)	(9.984.160.375)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.855.632.585)	(4.449.074.402)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		63.378.009	254.638.368
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(6.145.755.689)	(5.648.537.386)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19a, V.21, V.22	(3.829.853.487)	(3.146.284.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(133.840.520.744)	14.400.853.949
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10 V.11, VII	(5.749.599.695)	(1.951.835.208)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(52.000.000.000)	(149.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	138.000.000.000	119.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	3.767.723.387	2.048.553.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		84.018.123.692	(29.903.281.786)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ(tiếp theo)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14, V.22	(212.745.000)	(217.541.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(212.745.000)</i>	<i>(217.541.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(50.035.142.052)	(15.719.968.837)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63.929.979.011	38.811.252.844
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	41.636.211
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>13.894.836.959</u>	<u>23.132.920.218</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường số 3, Khu công nghiệp BW Supply Chain, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thực hiện góp vốn 100% vào công ty con.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, phường Hòa Bình, TP. Hải Phòng
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
Địa điểm kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Lô J46, Ô số P1G, Đường NJ17, Khu dân cư ấp 3B, phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Phòng Giao dịch VSIP 2 – Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
VNTT Data Center – Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường số 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 341 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 337 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình khác

Số năm

03 – 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 – 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	288.383.465	811.634.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.606.453.494	33.118.344.063
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	5.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	13.894.836.959	63.929.979.011

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi kỳ hạn từ 9 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

2b. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT với tổng số tiền là 25.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty TNHH Giải pháp VNTT vẫn trong quá trình hoạt động ban đầu, thực hiện dự án xây dựng phần mềm.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.137.210.429	12.172.178.512
Trích lập dự phòng	145.032.367	27.756.655
Số cuối năm	12.282.242.796	12.199.935.167

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	34.695.252.015	30.641.244.388
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	14.607.185.891	7.977.760.617
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	10.009.514.802	9.167.195.522
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	5.179.188.383	3.577.480.820
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	3.098.591.746	3.134.197.510
VNPT thành phố Hồ Chí Minh	745.323.540	89.128.872
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip	282.938.938	3.274.681.356
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	209.223.113	541.483.971
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương	208.254.000	16.514.834
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	76.701.901	51.119.503
Công ty TNHH Becamex Tokyu	52.266.426	122.107.094
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	50.543.675	30.460.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	42.367.100	6.281.500
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	36.144.000	36.144.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông	26.350.500	26.350.500

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sài Gòn		
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	24.084.000	23.028.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	14.080.000	36.343.120
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển		
Bình Dương- Xí Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước	7.700.000	9.350.000
Công ty TNHH MTV Aspire	5.500.000	-
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	3.740.000	3.740.000
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore	2.750.000	2.750.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	2.750.000	-
Công ty Cổ Phần Becamex Bình Định	2.618.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC	2.618.000	2.640.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	1.650.000	26.112.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	1.650.000	1.650.002
Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định	1.518.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	-	2.480.875.167
Công Ty Cổ Phần Sao Hỏa Toàn Quốc	-	3.850.000
Phải thu các khách hàng khác	32.616.417.127	29.869.150.862
Cộng	67.311.669.142	60.510.395.250

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TM-SX dây và cáp điện Đại Long	39.606.738.480	-
Công ty TNHH Hạ tầng Truyền thông Số	636.474.783	636.474.783
Công ty Điện lực Bình Dương	469.127.425	469.127.425
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Hoàng Long Vân	-	2.504.197.600
Công ty TNHH TM Dịch vụ Kỹ thuật Phan Khang	-	1.009.011.244
Các nhà cung cấp khác	8.131.640.238	2.487.949.220
Cộng	48.843.980.926	7.106.760.272

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu bên liên quan	539.956.321	-	990.718.340	-
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - Phải thu phí dịch vụ	-	-	22.896.274	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Phải thu phí dịch vụ	20.000	-	20.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu phí dịch vụ	42.733	-	44.795	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC - Phải thu phí dịch vụ	42.944	-	40.400	-
Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex - Phải thu phí dịch vụ	52.524	-	47.919	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsp - Phải thu phí dịch vụ	55.435	-	58.690	-
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore - Phải thu phí dịch vụ	59.722	-	86.515	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Phải thu phí dịch vụ	60.000	-	60.501	-
Công ty TNHH MTV Aspire - Phải thu phí dịch vụ	63.800	-	61.118	-
Công ty Cổ Phần Becamex Bình Định - Phải thu phí dịch vụ	70.000	-	70.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Phải thu phí dịch vụ	70.910	-	70.910	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	80.200	-	80.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Phải thu phí dịch vụ	120.000	-	610.320.200	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Phải thu phí dịch vụ	180.000	-	290.825.000	-
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	189.091	-	159.281	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	269.446	-	123.542	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	300.000	-	306.544	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	431.391	-	362.802	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	469.114	-	527.118	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu phí dịch vụ	2.364.188	-	1.448.731	-
VNPT thành phố Hồ Chí Minh - Phải thu phí dịch vụ	471.906.823	-	-	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Ký quỹ, ký cược	63.108.000	-	63.108.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	18.082.296.983	(2.763.329.110)	19.098.707.965	(2.763.329.110)
Tạm ứng	10.197.571.752	-	10.406.332.989	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	28.715.062	-	28.715.062	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.053.130.136	-	4.778.188.510	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.802.880.033	(2.763.329.110)	3.885.471.404	(2.763.329.110)
Cộng	18.622.253.304	(2.763.329.110)	20.089.426.305	(2.763.329.110)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	593.971.528	-	593.971.528	-
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP - Ký quỹ dài hạn	461.656.000	-	461.656.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Aspire - Ký quỹ dài hạn	61.835.200	-	61.835.200	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	51.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>506.276.965</i>	<i>-</i>	<i>473.276.965</i>	<i>-</i>
Cộng	1.100.248.493	-	1.067.248.493	-

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
Từ 03 đến 06 tháng	35.546.482	24.882.537	35.546.482	24.882.537
Từ 06 đến 09 tháng	48.812.370	24.406.185	48.812.370	24.406.185
Từ 09 đến 12 tháng	75.055.282	22.516.585	75.055.282	22.516.585
Trên 12 tháng	958.696.697	-	958.696.697	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
Dưới 01 năm	4.805.173	3.363.621	4.805.173	3.363.621
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	-	-
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	15.455.660	4.636.698	15.455.660	4.636.698
Trên 03 năm	1.048.766.254	-	1.048.766.254	-
Phải thu khác của các cá nhân				
Trên 03 năm	2.763.329.110	-	2.763.329.110	-
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	10.000.000	3.000.000	10.000.000	3.000.000
Trên 03 năm	272.235.926	-	272.235.926	-
Cộng	5.232.702.954	82.805.626	5.232.702.954	82.805.626

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	82.607.466.425	-	29.232.819.934	-
Công cụ, dụng cụ	33.300.785	-	43.457.822	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	112.772.555.593	-	79.843.869.782	-
Hàng hóa	21.480.463.523	-	21.511.450.173	-
Cộng	216.893.786.326	-	130.631.597.711	-

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	485.014.964	572.261.897

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	3.122.487.628	3.182.709.611
Cộng	3.607.502.592	3.754.971.508

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.368.919.803	1.269.517.842
Chi phí thuê đất	8.404.929.207	8.467.292.370
Vật tư, thiết bị khảo sát	-	14.729.171
Chi phí xây dựng, sửa chữa	898.564.131	982.445.650
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.309.089.442	1.163.426.643
Cộng	11.981.502.583	11.897.411.676

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.177.474.788	234.952.640.622	99.198.508.725	11.625.038.609	1.144.433.729	369.098.096.473
Mua trong năm/kỳ	-	201.900.586	-	14.901.118.000	-	15.103.018.586
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.356.016.955	-	2.496.780.942	-	-	3.852.797.897
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	23.533.491.743	235.154.541.208	101.695.289.667	26.526.156.609	1.144.433.729	388.053.912.956
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.345.971.956	92.002.224.629	25.715.149.553	772.197.075	939.749.622	123.775.292.835
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.792.062.656	191.901.173.709	67.005.159.433	3.188.047.104	1.016.442.681	273.902.885.583
Khấu hao trong kỳ	242.420.372	3.264.145.544	2.710.237.445	517.461.169	10.234.203	6.744.498.733
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	11.034.483.028	195.165.319.253	69.715.396.878	3.705.508.273	1.026.676.884	280.647.384.316
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.385.412.132	43.051.466.913	32.193.349.292	8.436.991.505	127.991.048	95.195.210.890
Số cuối kỳ	12.499.008.715	39.989.221.955	31.979.892.789	22.820.648.336	117.756.845	107.406.528.640
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.120.573.328	10.713.545.180	14.834.118.508
Mua trong năm/kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	4.120.573.328	10.713.545.180	14.834.118.508
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6.432.569.680	6.432.569.680

Giá trị hao mòn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (liếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Số đầu năm	-	9.438.876.185	9.438.876.185
Khấu hao trong kỳ	-	214.048.776	214.048.776
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	9.652.924.961	9.652.924.961
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.120.573.328	1.274.668.995	5.395.242.323
Số cuối kỳ	4.120.573.328	1.060.620.219	5.181.193.547
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCD trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	9.168.785.178	-	-	-	9.168.785.178
Xây dựng cơ bản dở dang	30.791.444.372	5.675.009.993	(18.652.727.897)	(354.713.036)	17.459.013.432
Cộng	39.960.229.550	5.675.009.993	(18.652.727.897)	(354.713.036)	26.627.798.610

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.944.637.182	9.481.253.166
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.595.725.973	5.595.725.973
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	100.742.998	188.255.501
VNPT thành phố Hồ Chí Minh	82.570.068	2.780.191.208
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	47.124.417	34.274.311
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	38.424.091	41.842.164
Công ty TNHH MTV Aspire	34.009.360	34.009.360
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip	20.958.903	64.969.215
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	11.431.482	9.751.190
Công ty TNHH Becamex Tokyu	7.358.930	6.999.420
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	6.290.960	5.431.778
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	-	18.717.365
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	-	662.280.800
Viễn thông Bình Dương	-	6.621.571
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương	-	22.988.000
Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Becamex	-	9.195.310
Phải trả các nhà cung cấp khác	32.645.600.432	39.263.491.631
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thuận Thiên Thành	7.080.926.472	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Hoàng Phúc	4.235.520.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giải pháp Nền tảng Truyền thông và Thông tin	39.284.595	11.675.836.800
Các nhà cung cấp khác	21.289.869.365	27.587.654.831
Cộng	38.590.237.614	48.744.744.797

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>1.936.931.063</i>	<i>2.200.000</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.934.731.063	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City	2.200.000	2.200.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>3.276.276.662</i>	<i>2.824.109.641</i>
Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina	1.300.984.200	1.300.984.200
Các khách hàng khác	1.975.292.462	1.523.125.441
Cộng	5.213.207.725	2.826.309.641

14. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	8.880.864.300	9.093.609.300
Cộng	8.880.864.300	9.093.609.300

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	630.699.777	(2.119.717)	-	-	632.819.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.136.270.657	-	4.190.691.447	(6.145.755.689)	4.181.206.415	-
Thuế thu nhập cá nhân	52.583.970	-	723.931.989	(1.719.608.299)	-	943.092.340
Thuế nhà đất	-	-	855.000	(855.000)	-	-
Các loại thuế khác	11.202.037	-	36.231.826	(36.339.125)	11.094.738	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.200.056.664	630.699.777	4.949.590.545	(7.902.558.113)	4.192.301.153	1.575.911.834

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học	Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác (*)	10%

- (*) Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được qui định tại Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.953.457.236	21.105.943.181
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	28.649.306
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	20.953.457.236	21.134.592.487
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.190.691.447	4.226.918.497

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. **Phải trả người lao động**
Tiền lương và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công trình	1.517.968.308	1.510.718.879
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	6.264.362.277	5.756.862.952
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	589.515.072	846.131.915
Cộng	8.371.845.657	8.113.713.746

18. **Doanh thu chờ phân bổ**
Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

19. **Phải trả khác**

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.684.800	1.224.181.412
Thưởng Ban điều hành	-	1.221.496.612
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải trả khác	2.684.800	2.684.800
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.203.701.692	4.656.538.786
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	509.863.100	242.105.200
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	2.160.438.090	3.874.584.207
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	161.435.153	161.435.153
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.371.965.349	378.414.226
Cộng	4.206.386.492	5.880.720.198

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.300.000	3.300.000
Công ty TNHH BW Supply Chain City – Nhận ký quỹ dài hạn	3.300.000	3.300.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	9.788.439.478	9.428.751.489
Nhận ký quỹ dài hạn khác	9.788.439.478	9.428.751.489
Cộng	9.791.739.478	9.432.051.489

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả**20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.541.011.974	1.299.132.608
Tăng do trích lập	159.841.677	127.333.020
Hoàn nhập dự phòng	(175.842.420)	(230.021.804)
Số cuối kỳ	1.525.011.231	1.196.443.824

20b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.158.666.714	291.651.000
Tăng do trích lập	-	25.236.534
Số cuối kỳ	1.158.666.714	316.887.534

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.617.517.703	2.596.287.810
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Tăng khác (nhận khen thưởng)	-	7.020.000
Chi quỹ	(2.608.356.875)	(2.603.304.000)
Số cuối kỳ	9.160.828	3.810

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP	178.446.000.000	178.446.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	168.829.000.000
Cộng	367.275.000.000	367.275.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	36.727.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận:

Trong kỳ, Công ty chưa phân phối lợi nhuận do Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức vào tháng 4 năm 2026.

23. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 15.891,24 USD (số đầu năm là 14.242,08 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.730.242.560	3.069.689.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.684.140.656	66.500.614.780
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.305.093.135	4.527.871.800
Doanh thu bất động sản	-	-
Cộng	90.719.476.351	74.098.176.045

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	116.911.000	877.853.000
Cung cấp dịch vụ	7.886.788.549	1.236.012.797
Xây dựng công trình	-	2.736.496.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Cung cấp dịch vụ	4.500.000	4.500.000
Xây dựng công trình	-	155.790.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</i>		
Cung cấp dịch vụ	157.345.200	159.766.162
Xây dựng công trình	792.530.000	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.680.600	4.682.323
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</i>		
Bán thiết bị	15.390.000	-
Cung cấp dịch vụ	388.668.417	402.776.311
Xây dựng công trình	40.040.000	258.474.800
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i>		
Bán thiết bị		
Cung cấp dịch vụ	92.550.501	46.171.772
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>		
Cung cấp dịch vụ	107.124.747	145.767.342
<i>Công ty Cổ phần dược Enlie</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.500.000	4.500.000
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Bán thiết bị	800.000	-
Cung cấp dịch vụ	246.339.072	162.584.486
<i>Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	1.750.000
<i>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</i>		
Bán thiết bị	-	16.824.000
Cung cấp dịch vụ	42.578.876	45.918.204
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC</i>		
Cung cấp dịch vụ	7.303.144	10.230.860
<i>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore</i>		
Cung cấp dịch vụ	62.040.000	62.040.000
Xây dựng công trình	4.535.525.901	101.162.000
<i>Công ty Cổ phần SetiaBecamex</i>		
Cung cấp dịch vụ	661.375.250	581.250
Xây dựng công trình	-	624.620.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước		
Bán thiết bị	23.400.000	-
Cung cấp dịch vụ	181.887.920	158.458.051
Xây dựng công trình	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	31.550.000	133.441.000
Xây dựng công trình	-	74.541.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	35.850.000	61.265.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán thiết bị	-	7.800.000
Cung cấp dịch vụ	70.378.544	83.208.176
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsp		
Bán thiết bị	-	169.850.000
Cung cấp dịch vụ	59.006.114	54.772.179
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông		
Cung cấp dịch vụ	-	1.556.469.972
VNPT thành phố Hồ Chí Minh		
Cung cấp dịch vụ	3.467.710.824	-
Viễn thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	-	1.033.864.095
Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương		
Bán thiết bị	187.300.000	-
Cung cấp dịch vụ	1.990.908	4.990.908
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu		
Cung cấp dịch vụ	33.300.528	33.266.395
Công ty TNHH MTV Aspire		
Cung cấp dịch vụ	15.188.345	15.202.295
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	10.200.000	10.200.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<i>Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Năng Lượng Thông Minh Việt Nam - Singapore</i> Cung cấp dịch vụ	7.708.806	7.715.842
<i>Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương</i> Cung cấp dịch vụ	7.500.000	7.500.000
<i>Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước</i> Cung cấp dịch vụ	8.814.546	12.660.000
<i>Công Ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i> Cung cấp dịch vụ	12.145.742	12.360.110
<i>Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định</i> Cung cấp dịch vụ	4.140.000	4.140.000
<i>Công ty TNHH BW Supply Chain City</i> Cung cấp dịch vụ	4.560.000	4.560.000
<i>Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xi Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước</i> Cung cấp dịch vụ	21.000.000	25.500.000
<i>Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Nghiệp BW Hải Phòng</i> Cung cấp dịch vụ	4.050.000	4.050.000
<i>Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành</i> Cung cấp dịch vụ	1.523.076	-
<i>Công Ty Cổ Phần Sao Hỏa Toàn Quốc</i> Cung cấp dịch vụ	13.272.727	9.000.000
<i>BW Industrial Development My Phuoc 3 Limited Liability Company</i> Service provisions	4.500.000	-
<i>BW Industrial Development Thoi Hoa (Project 2) Single-Member Limited Liability Company</i> Service provisions	4.500.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
BW Industrial Development Bau Bang – BB06 Limited Liability Company		
Service provisions	9.000.000	-
BW Industrial Development Bau Bang – BB01 Limited Liability Company		
Service provisions	4.500.000	-
2. Giá vốn hàng bán		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.472.985.558	2.764.275.140
Giá vốn cung cấp dịch vụ	47.955.117.955	38.539.439.500
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	9.918.737.198	3.782.373.587
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	-	-
Cộng	60.346.840.711	45.086.088.227
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.042.665.013	1.811.115.065
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.000.342	8.629.831
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	41.636.211
Cộng	2.053.665.355	1.861.381.107
4. Chi phí tài chính		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	145.032.367	27.756.655
Cộng	145.032.367	27.756.655
5. Chi phí bán hàng		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.051.068.038	2.841.385.474
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.298.945	18.015.519
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.490.269	72.806.001
Chi phí bảo hành	(16.000.743)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.628.080	19.750.209
Chi phí khác	1.174.762.216	890.245.035
Cộng	4.443.246.805	3.842.202.238
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.156.731.288	3.359.931.192
Chi phí vật liệu quản lý	79.878.433	94.151.804
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.207.305	101.305.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	341.232.722	341.328.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.135.130	255.256.939
Chi phí khác	2.755.755.750	1.972.731.139
Cộng	6.920.940.628	6.124.705.029

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	230.021.804
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.600.000	10.800.000
Thu nhập khác	29.623.627	4.523.359
Cộng	37.223.627	245.345.163

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí khác	847.586	18.206.985
Cộng	847.586	18.206.985

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.276.858.151	28.599.262.951
Chi phí nhân công	22.557.573.477	17.187.893.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.317.462.168	8.530.488.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.771.213.452	20.820.019.739
Chi phí khác	15.993.141.684	9.598.542.762
Cộng	110.916.248.932	84.736.207.289

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 6.050.725.203 VND (số đầu năm là 6.176.939.355 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	6.988.580.000	10.130.120.000
Trên 01 năm đến 05 năm	778.400.000	1.398.920.000
Cộng	7.766.980.000	11.529.040.000

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Lê Phan Minh Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	98.000.000	98.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	185.900.000	680.990.700	88.000.000	954.890.700
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	80.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	80.000.000	80.000.000
Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	80.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	80.000.000	80.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Minh Dương - Kiểm soát viên	-	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền - Phó Tổng Giám đốc	123.200.000	421.719.500	-	544.919.500
Ông Nguyễn Văn Phúc - Kế toán trưởng	128.400.000	470.009.900	-	598.409.900
Cộng	437.500.000	1.572.720.100	602.000.000	2.612.220.100

Kỳ trước

Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	168.900.000	595.331.400	-	764.231.400
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Quảng Văn Viết Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thủy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-	-
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	-	-
Ông Lê Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)	32.550.000	205.929.810	-	238.479.810

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)



Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

TOTRINHGD2604230270

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xi nghiệp Bê tông Trộn sẵn Mỹ Phước	Phát triển Công nghiệp BW
Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chủ đầu tư
VNPT Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải công ty con đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	76.855.498	52.830.552
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Tiền điện và tiền thuê phòng	16.833.874	28.042.331
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	14.494.383	9.333.443
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC		
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.642.575	33.901.964
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Thuế chuyển nhượng bất động sản	-	18.160.708
Mua bất động sản	-	135.649.999
Phí dịch vụ	15.816.332	44.770.512
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	204.749.113	181.842.538
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	17.373.837	15.167.193
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước		
Chi phí thuê nhà	17.250.000	95.734.045
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	121.805.877	15.000.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	25.612.200	35.321.432
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	29.835.340	13.842.769

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông

Mua nguyên vật liệu	-	763.636
Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	-	8.858.991.510
Phí dịch vụ	-	42.909.146

VNPT thành phố Hồ Chí Minh

Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	7.856.791.360
Phí dịch vụ	308.903.737

Viễn thông Bình Dương

Mua nguyên vật liệu	-	19.787.748
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	-	227.518.170

Công Ty TNHH Một Thành Viên WTC Bình Dương

Phí dịch vụ	-	9.090.909
-------------	---	-----------

Công ty TNHH MTV Aspire

Cho thuê bất động sản, mặt bằng	92.752.800	92.752.800
---------------------------------	------------	------------

Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Becamex

Tiền điện và tiền thuê phòng	-	10.327.680
------------------------------	---	------------

Công ty TNHH BW Supply Chain City

Cho thuê bất động sản, mặt bằng	2.025.498.840	2.025.498.840
---------------------------------	---------------	---------------

Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương- Xí Nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước

Mua nguyên vật liệu	-	25.585.185
---------------------	---	------------

Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương

Mua nguyên vật liệu	-	2.590.000
---------------------	---	-----------

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip

Phí dịch vụ	19.406.392	-
-------------	------------	---

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13 và V.19.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026


Vi Ngọc Đại
Người lập


Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng


Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

